

Án số: 120 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

2. Ông Nguyễn Ngọc Đức

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại T Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình về việc kiện tranh chấp ly hôn thụ lý số 628/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXX ngày 14/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986; (Có mặt).

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, thành phố T. N, tỉnh Thái Nguyên.

***Bị đơn:** Anh Từ Văn S, sinh năm 1986; (Có mặt).

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị Trần Thị T kết hôn với anh anh Từ Văn S năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn cãi vã, xô sát nhau nhiều lần làm ảnh hưởng đến con cái và cuộc sống gia đình, nguyên nhân xảy mâu thuẫn là do anh S có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, chị đã phát hiện được nhiều tin nhắn tình cảm của anh S với người phụ nữ khác, Vào tháng 8/2021 vợ chồng có xảy ra việc cãi nhau anh S đã đánh chị và cầm dao đe dọa chị và 03 con nên chị đã đưa 03 con về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ hôm đó đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh Từ Văn S để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Từ Thị Vũ H, sinh ngày 15/ 10/ 2007, Từ Thị Yến V, sinh ngày 07/01/2013, Từ Minh Đ, sinh ngày 11/11/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Từ Thị Yến V và Từ Minh Đ đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Từ Thị Vũ H đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Từ Văn S trình bày:

Năm 2006 anh kết hôn với chị Trần Thị T trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nhiều lần nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, việc chị T trình bày trong lúc vợ chồng cãi nhau anh có cầm dao dọa chị T và các con là có thật, chị T tự ý đưa 03 con về nhà mẹ đẻ ở chứ anh không đuổi vợ và các con đi. Sau khi sự việc xảy ra anh đã sang xin lỗi và động viên chị T cùng các con về nhưng chị T không đồng ý, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 8/2021 đến nay. Chị T đề nghị được ly hôn anh không đồng ý vì không muốn các con phải chịu khổ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Từ Thị Vũ H, sinh ngày 15/ 10/ 2007, Từ Thị Yến V, sinh ngày 07/01/2013, Từ Minh Đ, sinh ngày 11/11/2015. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Từ Thị Vũ H, Từ Thị Yến V đã trên 7 tuổi, cháu H có nguyện vọng được ở với bố, cháu V có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh S, giao con chung Từ Thị Yến V, Từ Minh Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Từ Thị Vũ H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, và tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng tại các phiên hòa giải các đương sự không thỏa thuận được, do vậy Tòa án phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân gia đình, được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; anh S có hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã L, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung:

[2] Chị Trần Thị T và anh Từ Văn S kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chị T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh S, yêu cầu ly hôn để giải phóng cho nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự để hàn gắn tình cảm vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Anh S xác định vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng chưa đến mức phải ly hôn, chị T yêu cầu được ly hôn, anh S không nhất trí ly hôn vì không muốn các con phải chịu khổ.

[4] Toà án hoà giải, cho các đương sự thời gian để có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng và thỏa thuận về con chung khi ly hôn, nhưng anh S không có biện pháp gì thuyết phục chị T về chung sống để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Từ Thị Vũ H, sinh ngày 15/ 10/ 2007, Từ Thị Yến V, sinh ngày 07/01/2013, Từ Minh Đ, sinh ngày 11/11/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Từ Thị Yến V và Từ Minh Đ đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Từ Thị Vũ H đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét thấy, chị T và anh S đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, tuy nhiên cháu H có nguyện vọng được ở với bố, cháu V có nguyện vọng muốn ở với mẹ còn cháu Đạt chưa đủ 7 tuổi và hiện nay đang trực tiếp ở với chị T. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đảm bảo

cho các cháu phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và tâm lý. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Trần Thị T. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Từ Thị Yên V và Từ Minh Đ đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Từ Thị Vũ H đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T, anh S có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Hai bên đương sự xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; 273; 483 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Từ Văn S .

2. *Về con chung:*

- Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Từ Thị Yên V, sinh ngày 07/01/2013, Từ Minh Đ, sinh ngày 11/11/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Từ Thị Vũ H, sinh ngày 15/10/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T, anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

5. *Về án phí:* Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0000540 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

6. *Quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị T, anh Từ Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hà

